



QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHÁC NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2017

STT	Tên chương trình mục tiêu	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												Đơn vị: Triệu đồng		
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó										So sánh (%)						
				Đầu tư phát triển				Kinh phí sự nghiệp			Chi đầu tư phát triển						Kinh phí sự nghiệp				Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	
				Tổng số	Vốn Trung ương	Vốn Thành phố		Tổng số	Vốn Trung ương	Vốn Thành phố	Vốn trong nước			Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước			Vốn ngoài nước					
A	B	C	1=2+3	2			3			5	9	10			11	12	13	14	15		16=5/1	17=6/2	18=7/3	
		TỔNG SỐ	8.039.825	7.614.040	7.614.040	0	425.785	343.339	82.446	4.992.667	4.633.601	631.820	631.820	0	4.001.781	359.066	307.904	254.856	53.048	51.162	62,10	60,86	84,33	
A		Ngân sách tỉnh	7.963.603	7.614.040	7.614.040	0	349.563	316.222	33.341	4.940.857	4.633.601	631.820	631.820	0	4.001.781	307.256	256.094	233.789	22.305	51.162	62,04	60,86	87,90	
1	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU		67.440				67.440	36.499	30.941	39.202						39.202	39.202	18.667	20.535	0	58,13		58,13	
1	CTMT Ứng phó với biến đổi khí hậu		0				0	0	0	566						566	566	566	0	0				
		Sở Tài nguyên và Môi trường	0				0	0		566						566	566	566						
2	Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số		49.078				49.078	18.137	30.941	28.021						28.021	28.021	7.486	20.535	0	57,09		57,09	
	Dự án 1: Phòng chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến		19.415				19.415	7.936	11.479	11.229						11.229	11.229	4.935	6.294	0	57,83		57,83	
	- Kinh phí phòng, chống bệnh lao	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	5.252				5.252	3.526	1.726	3.152						3.152	3.152	3.152			60,02		60,02	
	- Kinh phí phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	50				50	50	0	51						51	51	50	1		101,04		101,04	
	- Kinh phí phòng, chống bệnh phong	Bệnh viện Da Liễu	503				503	503	0	0						0	0		0		0,00		0,00	
	- Kinh phí phòng chống sốt rét	Trung tâm Y tế Dự phòng Thành phố	333				333	333	0	34						34	34	34			10,21		10,21	
	- Kinh phí bảo vệ sức khỏe tâm thần	Bệnh viện Tâm Thần	8.008				8.008	1.250	6.758	7.462						7.462	7.462	1.250	6.212		93,18		93,18	
	- Kinh phí phòng, chống sốt xuất huyết	Trung tâm Y tế Dự phòng Thành phố	2.704				2.704	1.704	1.000	234						234	234	234			8,65		8,65	
	- Kinh phí phòng, chống ung thư	Trung tâm Y tế Dự phòng Thành phố	800				800	450	350	155						155	155	155			19,38		19,38	
	- Kinh phí phòng, chống bệnh tim mạch	Trung tâm Y tế Dự phòng Thành phố	190				190	60	130	141						141	141	60	81		74,21		74,21	
	- Kinh phí phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng chống các rối loạn do thiếu I- ốt	Trung tâm Y tế Dự phòng Thành phố	230				230	60	170	0						0	0	0			0,00		0,00	
	- Kinh phí y tế học đường	Trung tâm Y tế Dự phòng Thành phố	1.345				1.345	0	1.345	0						0	0	0			0,00		0,00	

STT	Tên chương trình mục tiêu	Tên đơn vị	Dự toán						Quyết toán											So sánh (%)			
			Tổng số	Trong đó						Tổng số	Trong đó										Tổng số	Trong đó	
				Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp				Chi đầu tư phát triển				Kinh phí sự nghiệp							Chi đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
				Tổng số	Vốn Trung ương	Vốn Thành phố	Tổng số	Vốn Trung ương	Vốn Thành phố		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước				
Dự án 2 Tiêm chủng mở rộng	Trung tâm Y tế Dự phòng Thành phố	2.202				2.202	502	1.700	39						39	39	39			1,77		1,77	
Dự án 3 Dân số và phát triển		8.648				8.648	2.076	6.572	7.707						7.707	7.707	1.244	6.463	0	89,12		89,12	
- Kinh phí dân số kế hoạch hóa gia đình	Chi cục Dân số & Kế hoạch hóa gia đình	6.739				6.739	967	5.772	7.430						7.430	7.430	967	6.463		110,25		110,25	
- Kinh phí cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	Trung tâm Dinh Dưỡng	1.235				1.235	835	400	91						91	91	91			7,37		7,37	
- Kinh phí chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản	674				674	274	400	186						186	186	186			27,60		27,60	
Dự án 4 Dự án an toàn thực phẩm	Ban Quản lý An toàn thực phẩm	3.757				3.757	3.757	0	0						0	0				0,00		0,00	
Dự án 5: Phòng, chống HIV/AIDS	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS	11.850				11.850	1.040	10.810	8.622						8.622	8.622	1.040	7.582		72,76		72,76	
Dự án 6 : bảo đảm máu an toàn và phòng chống một số bệnh lý huyết học	Bệnh viện Truyền máu huyết học	50				50	50	0	0						0	0		0		0,00		0,00	
Dự án 7 Quản dân y kết hợp	Văn phòng Sở Y tế	380				380	0	380	191						191	191	191			50,26		50,26	
Dự án 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế		2.776				2.776	2.776	0	196						196	196	0	196	0	7,06		7,06	
- Kinh phí truyền thông an toàn vệ sinh thực phẩm	Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe	1.720				1.720	1.720	0	0						0	0		0		0,00		0,00	
- Kinh phí truyền thông y tế - dân số	Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe	860				860	860	0	0						0	0		0		0,00		0,00	
- Kinh phí truyền thông y tế - dân số	Chi cục Dân số & Kế hoạch hóa gia đình	196				196	196	0	196						196	196		196		100,00		100,00	
Dự án đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm (Dự án cũ)	Chi Cục an toàn thực phẩm	0				0	0	0	37						37	37	37						
3CTMT giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động		18.292				18.292	18.292	0	10.615						10.615	10.615	10.615	0	0	58,03		58,03	
Dự án: đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp		15.000				15.000	15.000	0	9.000						9.000	9.000	9.000	0	0	60,00		60,00	
Hỗ trợ đầu tư cho trường nghề chất lượng cao tham gia đào tạo thí điểm trình độ Cao đẳng tại 12 nghề trọng điểm cấp độ Quốc tế (theo Quyết định số 1809/QĐ-LĐTBXH ngày 09/12/2015)	Trường Cao đẳng nghề thành phố Hồ Chí Minh	15.000				15.000	15.000		9.000						9.000	9.000	9.000	0	0	60,00		60,00	
Trường Cao đẳng nghề thành phố Hồ Chí Minh	Trường Cao đẳng nghề thành phố Hồ Chí Minh	15.000				15.000	15.000		9.000						9.000	9.000	9.000			60,00		60,00	

STT	Tên chương trình mục tiêu	Tên đơn vị	Dự toán						Quyết toán												So sánh (%)		
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó								Tổng số	Trong đó						
				Đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp		Chi đầu tư phát triển				Kinh phí sự nghiệp											
				Tổng số	Vốn Trung ương	Vốn Thành phố		Tổng số	Vốn Trung ương	Vốn Thành phố	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước		Vốn ngoài nước						
	Dự án: phát triển thị trường lao động và việc làm		2.882				2.882	2.882	0	1.596					1.596	1.596	1.596	0	0	55,38		55,38	
	Cơ sở dữ liệu cung cầu lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2.572				2.572	2.572		1.556					1.556	1.556	1.556			60,50		60,50	
	Nâng cao năng lực cán bộ việc làm	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	0				0	0		0					0	0	0						
	Hỗ trợ giao dịch việc làm	Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố HCM	200				200	200		40					40	40	40			20,00		20,00	
	Phát triển hệ thống thông tin việc làm	Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố HCM	110				110	110		0					0	0				0,00		0,00	
	Dự án: Chương trình quốc gia an toàn vệ sinh lao động		410				410	410	0	19					19	19	19	0	0	4,63		4,63	
	Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	270				270	270		19					19	19	19			7,04		7,04	
	Tuyên truyền giáo dục huấn luyện, tư vấn về an toàn, vệ sinh lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	0				0			0					0	0	0						
	Tuyên truyền giáo dục huấn luyện, nâng cao nhận thức, kỹ năng và sự tuân thủ pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động	Viện khoa học an toàn, vệ sinh lao động TP.HCM	140				140	140		0					0	0				0,00		0,00	
4	CTMT Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội		70				70	70	0	0					0	0	0	0	0	0,00		0,00	
	Dự án hỗ trợ thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	70				70	70		0					0	0				0,00		0,00	
II	BỘ SUNG CỐ MỤC TIÊU THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU KHÁC		7.896.163	7.614.040	7.614.040	0	282.123	279.723	2.400	4.901.655	4.633.601	631.820	631.820	0	4.001.781	268.054	216.892	215.122	1.770	51.162	62,08	60,86	95,01
	Dự án chống ngập TPHCM		30.000	30.000	30.000	0	0	0	0	15.410	15.410	15.410	15.410	0	0	0	0	0	0	0	51,37	51,37	
		Ban QLDA cải tạo Kênh Ba Bò	3.300	3.300	3.300		0			1.110	1.110	1.110	1.110			0	0			0	33,64	33,64	
		Ban QLDA Thoát Nước Đô Thị TP	5.200	5.200	5.200		0			843	843	843	843			0	0				16,21	16,21	
		Ban Quản lý dự án 1547	21.500	21.500	21.500		0			13.457	13.457	13.457	13.457			0	0				62,59	62,59	
	Đầu tư 02 bệnh viện tuyến cuối: Bệnh viện Nhi đồng và Bệnh viện Ung bướu tại Quận 9	Ban Quản lý ĐTXD các công trình thuộc Sở Y tế	3.200.000	3.200.000	3.200.000		0			564.280	564.280	564.280	564.280			0	0				17,63	17,63	
	Thu hồi vốn ứng trước dự án Khu công nghệ cao	Ban Quản lý các dự án Đầu tư Xây dựng Khu Công nghệ cao	52.130	52.130	52.130		0			52.130	52.130	52.130	52.130			0	0				100,00	100,00	
	Tiểu DA HTKT "dự án quản lý rủi ro ngập nước khu vực TPHCM" (Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước Thành phố)	Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước Thành phố.	31.801	31.801	31.801		0			21.319	21.319	0		21.319	0	0					67,04	67,04	
	Dự án Cải thiện môi trường nước GĐ2	BQL ĐTXDCT Giao thông - Đô thị	1.200.000	1.200.000	1.200.000		0			1.181.353	1.181.353	0		1.181.353	0	0					98,45	98,45	
	Dự án Vệ sinh môi trường thành phố GĐ	BQL DA Vệ sinh môi trường thành phố	719.835	719.835	719.835		0			701.714	701.714	0		701.714	0	0					97,48	97,48	

STT	Tên chương trình mục tiêu	Tên đơn vị	Dự toán						Quyết toán											So sánh (%)		
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Vốn Trung ương	Vốn Thành phố	Tổng số	Trong đó						Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp			
				Đầu tư phát triển							Chỉ đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp								
				Tổng số	Vốn Trung ương	Vốn Thành phố					Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước						
			Tổng số	Vốn Trung ương	Vốn Thành phố	Tổng số	Vốn Trung ương	Vốn Thành phố	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		
	Dự án xây dựng Tuyến Metro số 2 Bến Thành - Tham Lương và Tuyến Metro số 1 Bến Thành - Suối Tiên	BQL Đường sắt Đô thị	2.273.873	2.273.873	2.273.873		0		2.057.237	2.057.237	0			2.057.237	0	0			90,47	90,47		
	Tiểu dự án HTKT Phát triển Giao thông xanh	BQL ĐTXDCT Giao thông - Đô thị	106.401	106.401	106.401		0		39.416	39.416	0			39.416	0	0			37,04	37,04		
	Dự án tăng cường năng lực tổng thể ngành thanh tra	Thanh tra Thành phố	0	0			0		742	742	0			742	0	0						
	GTGC tiền viện trợ Dự án "Hỗ trợ giảm-nghèo đa chiều tại khu vực đô thị TP.HCM" [Bổ sung có mục tiêu từ NSTW (vốn viện trợ không hoàn lại nguồn UNDP)]	Ban chỉ đạo Chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố	2.166	0			2.166	2.166	0	0				2.166	0			2.166	100,00		100,00	
	Dự án Cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm - Khoản vay bổ sung (giai đoạn 2016-2018)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	63.400	0			63.400	61.000	2.400	50.766	0	0			50.766	1.770		1.770	48.996	80,07		80,07
	Kinh phí cho Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật thành phố hỗ trợ cho hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật ở các Hội văn học nghệ thuật địa phương năm 2017	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	1.435	0			1.435	1.435	0	0	0	0			0	0	0	0	0	0,00		0,00
	Kinh phí cho Hội Nhà báo thành phố hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao ở các Hội Nhà báo địa phương năm 2017	Hội Nhà báo	320	0			320	320	0	320	0	0			320	320	320	0	0	100,00		100,00
	Bổ sung kinh phí thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ địa phương năm 2017	Quỹ Bảo trì đường bộ thành phố	214.802	0			214.802	214.802		214.802	0	0			214.802	214.802	214.802			100,00		100,00
B		Ngân sách huyện	76.222				76.222	27.117	49.105	51.811					51.811	51.811	21.067	30.744		67,97		67,97
I	CTMT dân số và kế hoạch hóa gia đình		55.400				55.400	19.117	36.283	43.209					43.209	43.209	19.117	24.092		77,99		77,99
1		Quận 1	1.423				1.423	493	930	1.077					1.077	1.077	493	585		75,74		75,74
2		Quận 2	1.094				1.094	391	703	825					825	825	391	435		75,46		75,46
3		Quận 3	1.557				1.557	537	1.020	1.095					1.095	1.095	537	558		70,34		70,34
4		Quận 4	1.418				1.418	499	919	1.326					1.326	1.326	499	828		93,55		93,55
5		Quận 5	1.474				1.474	526	948	1.103					1.103	1.103	526	577		74,84		74,84
6		Quận 6	1.822				1.822	636	1.186	1.678					1.678	1.678	636	1.043		92,14		92,14
7		Quận 7	1.772				1.772	644	1.128	963					963	963	644	319		54,36		54,36
8		Quận 8	2.761				2.761	984	1.777	2.080					2.080	2.080	984	1.096		75,34		75,34
9		Quận 9	1.990				1.990	722	1.268	1.547					1.547	1.547	722	825		77,76		77,76
10		Quận 10	1.679				1.679	601	1.078	1.278					1.278	1.278	601	677		76,11		76,11
11		Quận 11	1.653				1.653	596	1.057	1.535					1.535	1.535	596	939		92,85		92,85
12		Quận 12	3.096				3.096	1.130	1.966	2.327					2.327	2.327	1.130	1.197		75,16		75,16
13		Phủ Nhuận	1.397				1.397	497	900	1.038					1.038	1.038	497	541		74,31		74,31
14		Gò Vấp	3.697				3.697	1.355	2.342	2.707					2.707	2.707	1.355	1.352		73,23		73,23
15		Bình Thạnh	3.229				3.229	1.175	2.054	2.032					2.032	2.032	1.175	857		62,94		62,94

STT	Tên chương trình mục tiêu	Tên đơn vị	Dự toán						Quyết toán										So sánh (%)				
			Tổng số	Trong đó						Tổng số	Trong đó										Tổng số	Trong đó	
				Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp				Chi đầu tư phát triển				Kinh phí sự nghiệp							Chi đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
				Tổng số	Vốn Trung ương	Vốn Thành phố	Tổng số	Vốn Trung ương	Vốn Thành phố		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước							
16		Tân Bình	2.796				2.796	1.022	1.774	2.049					2.049	2.049	1.022	1.027		73,28		73,28	
17		Tân Phú	2.763				2.763	1.001	1.762	2.025					2.025	2.025	1.001	1.024		73,29		73,29	
18		Bình Tân	4.291				4.291	1.586	2.705	3.705					3.705	3.705	1.586	2.119		86,34		86,34	
19		Thủ Đức	2.940				2.940	1.060	1.880	2.251					2.251	2.251	1.060	1.190		76,54		76,54	
20		Củ Chi	3.230				3.230	1.039	2.191	2.766					2.766	2.766	1.039	1.727		85,62		85,62	
21		Hóc Môn	3.142				3.142	1.053	2.089	2.610					2.610	2.610	1.05	1.557		83,07		83,07	
22		Bình Chánh	3.740				3.740	1.212	2.528	2.873					2.873	2.873	1.212	1.661		76,82		76,82	
23		Nhà Bè	1.082				1.082	345	737	847					847	847	345	501		78,24		78,24	
24		Cần Giờ	1.354				1.354	13	1.341	1.469					1.469	1.469	13	1.456		108,49		108,49	
II	CTMT việc làm và dạy nghề		20.822				20.822	8.000	12.822	8.602					8.602	8.602	1.950	6.652		41,31		41,31	
1		Quận 1	0				0	0	0	0					0	0	0	0					
2		Quận 2	0				0	0	0	0					0	0	0	0					
3		Quận 3	0				0	0	0	0					0	0	0	0					
4		Quận 4	0				0	0	0	0					0	0	0	0					
5		Quận 5	5.000				5.000	5.000	0	1.950					1.950	1.950	1.950	0		39,01		39,01	
6		Quận 6	0				0	0	0	0					0	0	0	0					
7		Quận 7	0				0	0	0	0					0	0	0	0					
8		Quận 8	300				300	0	300	0					0	0	0	0		0,00		0,00	
9		Quận 9	950				950	0	950	153					153	153	0	153		16,14		16,14	
10		Quận 10	0				0	0	0	0					0	0	0	0					
11		Quận 11	0				0	0	0	0					0	0	0	0					
12		Quận 12	900				900	0	900	320					320	320	0	320		35,56		35,56	
13		Phủ Nhượn	0				0	0	0	0					0	0	0	0					
14		Gò Vấp	105				105	0	105	2					2	2	0	2		2,06		2,06	
15		Bình Thạnh	60				60	0	60	0					0	0	0	0		0,00		0,00	
16		Tân Bình	0				0	0	0	0					0	0	0	0					
17		Tân Phú	0				0	0	0	0					0	0	0	0					
18		Bình Tân	200				200	0	200	0					0	0	0	0		0,00		0,00	
19		Thủ Đức	3.371				3.371	3.000	371	0					0	0	0	0		0,00		0,00	
20		Củ Chi	2.733				2.733	0	2.733	2.923					2.923	2.923	0	2.923		106,95		106,95	
21		Hóc Môn	1.675				1.675	0	1.675	528					528	528	0	528		31,55		31,55	
22		Bình Chánh	2.465				2.465	0	2.465	1.581					1.581	1.581	0	1.581		64,13		64,13	
23		Nhà Bè	1.700				1.700	0	1.700	1.053					1.053	1.053	0	1.053		61,95		61,95	
24		Cần Giờ	1.363				1.363	0	1.363	91					91	91	0	91		6,68		6,68	